

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2024
Về việc ly hôn, tranh về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Quỳnh Nga;
- Ông Thào A Trư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Say – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trại Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trại Tấu, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Huệ – Kiểm sát Viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trại Tấu, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST –HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26-12-2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Tàng Thị M, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh Sơn La.

Có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Hồ A K, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt không có lý do.

3. **Người phiên dịch tiếng Mông:** Ông Hồ A H- Cán bộ Viện kiểm sát nhân dân huyện Trại Tấu, tỉnh Yên Bái.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-10-2023 và biên bản ghi lời khai ngày 18-10-2023 nguyên đơn chị Tăng Thị M trình bày:

Chị và anh Hồ A K đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Làng Nhì, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái vào ngày 16-10-2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh K tại thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K nghiện ma túy, không chịu chăm sóc gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh Sơn La từ tháng 6 năm 2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân không ai còn quan tâm đến đời sống của nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh K đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hồ A K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Hồ Sông G, sinh ngày 05-01-2013 và Hồ Thị V, sinh ngày 25-5-2017. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Hồ Thị V, để anh K được trực tiếp nuôi dưỡng con Hồ Sông G, chị không yên cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị và anh K tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 01-11-2023, Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu đã đến nhà Hồ A K, địa chỉ thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái để lấy lời khai của Hồ Sông G, hỏi nguyện vọng của cháu Hồ Sông G khi chị M và anh K ly hôn, tuy nhiên ông Hồ Giồng D bố đẻ của anh Hồ A K ngăn cản không cho Tòa án hỏi nguyện vọng của cháu Hồ Sông G về việc chị M và anh K ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng bố hay mẹ. Do đó, Tòa án không hỏi nguyện vọng của cháu G được.

Tại biên bản xác minh ngày 01-11-2023 xác minh về việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và sự có mặt của anh K tại thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái. Ông Giàng A T-Trưởng thôn H cho biết:

- Khi nhận được các văn bản của Tòa án, ông T đã đến trực tiếp nhà Hồ A K, tuy nhiên Hồ A K thường xuyên vắng nhà nên ông T đã giao các văn bản của Tòa án cho ông Hồ Giồng D là bố đẻ của anh Hồ A K, ông D cam đoan sẽ giao tận tay ngay cho anh K, ông D còn nói khi nào anh K về thì đề nghị anh K lên Tòa án để giải quyết vụ án.

- Về sự có mặt của anh K tại thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái. Hồ A K là đối tượng nghiện ma túy, thỉnh thoảng lại vắng mặt tại thôn H một vài ngày, không biết đi đâu, làm gì, qua trao đổi với ông Hồ Giồng D, thì được ông D cho biết các văn bản của Tòa án đã được ông D đưa trực tiếp cho anh K, nhưng

anh K sợ không lên Tòa án và cố tình lẩn tránh. Hiện tại anh K có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã L, huyện T.

Tại biên bản xác minh ngày 01-10-2023 xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung giữa chị Tăng Thị M và anh Hồ A K. Kết quả được ông Giàng A T- Trưởng thôn H, xã L, huyện T cho biết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị M có đăng ký kết hôn tại UBND xã Làng Nhì vào ngày 16-10-2017. Sau khi kết hôn anh K và chị M chung sống cùng bố mẹ anh K tại thôn H, xã L, huyện T. Ông T có nghe bà con nói anh K nghiện ma túy, tuy nhiên ông T không nhìn thấy anh K sử dụng ma túy và anh K chưa đi cai nghiện ma túy lần nào. Khoảng tháng 6 năm 2022 thì giữa anh K và chị M đã xảy ra mâu thuẫn, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh Sơn La, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân.

- Về con chung và điều kiện nuôi con: Chị M và anh K có 02 con chung là Hồ Sông G, sinh ngày 05-01-2013 và Hồ Thị V, sinh ngày 25-5-20217; hiện nay chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ nên ông T không biết ai có điều kiện nuôi con tốt hơn, tuy nhiên anh K và chị M có 02 con chung, cần xem xét nguyện vọng của các con, đồng thời để tránh tranh chấp giữa các bên nên giao mỗi người nuôi một con chung là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị M có đơn đề nghị không hòa giải, Tòa án tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được Tòa án triệu tập nhưng không đến giải quyết, chưa thực hiện đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử cho Chị Tăng Thị M được ly hôn anh Hồ A K.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Tăng Thị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con chung Hồ Thị V, sinh ngày 25-5-2017, giao cho anh Hồ A K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con Hồ Sông G, sinh ngày 05-01-2013. Chị M và anh K không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải

quyết nên không xem xét đến;

- Về án phí nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tàng Thị M và anh Hờ A K kết hôn vào ngày 16-10-2017 tại UBND xã Làng Nhì, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua lời trình bày của nguyên đơn sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh K nghiện ma túy không chịu chăm sóc gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh Sơn La từ tháng 6 năm 2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân không ai còn quan tâm đến đời sống của nhau. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Tàng Thị M và anh Hờ A K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

[3.1] Về con chung: Chị Tàng Thị M và anh Hờ A K có 02 con chung là Hờ Sông G, sinh ngày 05-01-2013 và Hờ Thị V, sinh ngày 25-5-2017. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh của Tòa án hiện nay chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng con Hờ Thị V, anh K đang trực tiếp nuôi dưỡng con Hờ Sông G.

Xét thấy việc giao con chung cho chị M hay anh K nuôi dưỡng cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án chị M và anh K không thỏa thuận được về việc nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng thỏa*

thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền lợi của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Để bảo đảm quyền bình đẳng của cha mẹ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, căn cứ vào Điều 71 của luật Hôn nhân và gia đình xét thấy cần giao con Hồ Thị V cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Hồ Sông G cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tàng Thị M được ly hôn anh Hồ A K.

2. Về con chung: Giao con Hồ Thị V, sinh ngày 25-5-2017 cho chị Tàng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con Hồ Sông G, sinh ngày 05-01-2013 cho anh Hồ A K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Tàng Thị M và anh Hồ A K không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tàng Thị M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2021/0000651 ngày 12-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Chị Tàng Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh Hờ A K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Chi cục THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lên